

LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH, NGƯỜI CÓ NHIỀU QUỐC TỊCH

TS. NGUYỄN HỒNG BẮC *

1. Luật áp dụng đối với người có nhiều quốc tịch nước ngoài

Trong pháp luật quốc tế, hiện tượng một người đồng thời mang quốc tịch của hai hay nhiều quốc gia được gọi là người mang nhiều quốc tịch (Bipatride; pluripatride). Đây là hiện tượng thường gặp trong thực tiễn đời sống quốc tế và tồn tại hoàn toàn khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của bất kì nhà nước nào. Trên thế giới không ít quốc gia trong các đạo luật về quốc tịch của mình ghi nhận nguyên tắc không công nhận nhiều quốc tịch. Điều này chỉ có ý nghĩa là không công nhận hậu quả pháp lí của nhiều quốc tịch. Các quốc gia này đứng trên quan điểm cho rằng: *“Hiện tượng nhiều quốc tịch là hiện tượng tiêu cực, nó tiềm ẩn cho mâu thuẫn chính trong nội dung của nó và nó cũng là nguyên nhân và nguồn gốc của các cuộc tranh chấp và xung đột quốc tế”*.⁽¹⁾

Hiện tượng một người cùng một lúc mang nhiều quốc tịch phát sinh do các nguyên nhân sau:

- Có sự xung đột pháp luật giữa các nước về cách thức hưởng và mất quốc tịch;
- Khi một người đã có quốc tịch mới nhưng chưa từ bỏ quốc tịch cũ;
- Khi người đó được hưởng quốc tịch mới do kết hôn với người nước ngoài hoặc được làm con nuôi người nước ngoài.

Hiện nay trên thế giới, các quốc gia sử dụng một số biện pháp nhằm ngăn ngừa, hạn chế hoặc loại bỏ những trường hợp nhiều quốc tịch. Các biện pháp này có thể được ghi nhận trong pháp luật quốc gia. Ví dụ, theo quy định của Cộng hòa Pháp, trong trường hợp một người có nhiều quốc tịch thì đương sự được chọn một quốc tịch còn quốc tịch khác sẽ mất (Điều 23-4 Bộ luật dân sự năm 1804; Điều 91 Bộ luật quốc tịch). Những biện pháp này còn được ghi nhận trong các điều ước quốc tế đa phương hoặc song phương. Theo các điều ước quốc tế, những người có hai hay nhiều quốc tịch có quyền tự do lựa chọn quốc tịch của một trong các nước tham gia điều ước quốc tế. Trong trường hợp không lựa chọn được quốc tịch thì họ được coi là công dân của nước nơi họ cư trú thường xuyên.

Mặc dù có nhiều biện pháp để hạn chế tình trạng nhiều quốc tịch nhưng hiện tượng nhiều quốc tịch vẫn tồn tại trong thực tiễn quốc tế. Những người nhiều quốc tịch có lợi thế là:

- Việc sinh hoạt, đi lại tại các nước được dễ dàng hơn do người đó có khả năng xin hộ chiếu của nhiều quốc gia và được hưởng sự bảo hộ ngoại giao của các quốc gia đó;

* Giảng viên chính Khoa luật quốc tế Trường Đại học Luật Hà Nội

- Tại mỗi quốc gia có liên quan, người đó đều có quy chế công dân nên được hưởng quyền ở tất cả các quốc gia có liên quan đó.

Tuy nhiên, trên thực tế người có nhiều quốc tịch cũng gặp một số bất lợi:

- Họ phải thực hiện nghĩa vụ đối với tất cả các quốc gia mà mình là công dân, đặc biệt là nghĩa vụ quân sự;

- Quy chế pháp lí nhân thân của người nhiều quốc tịch không bảo đảm tính ổn định trong trường hợp quy phạm xung đột áp dụng hệ thuộc “luật của nước mà đương sự là công dân” để xác định quy chế pháp lí nhân thân của người đó.

Để điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài mà người nhiều quốc tịch tham gia, pháp luật các nước đã có quy định xác định pháp luật áp dụng đối với họ. Nói chung, pháp luật của các nước thường áp dụng hai nguyên tắc: *Thứ nhất*, áp dụng pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và thường trú; *Thứ hai*, áp dụng pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và có mối quan hệ gắn bó nhất (trong trường hợp người có nhiều quốc tịch không thường trú ở một trong các nước mà người đó có quốc tịch). Tức là, áp dụng nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu. Nguyên tắc này có thể được xác định theo một số dấu hiệu:

- Nơi cư trú;
- Nơi làm việc (kể cả quân sự và dân sự);
- Nơi mà ở đó cá nhân thực tế đã sử dụng các quyền dân sự và chính trị;
- Đôi khi là nơi mà cá nhân có bất động

sản nhiều hơn cả.

Ở Ba Lan, Luật dành cho người nước ngoài năm 1962 (hiện nay vẫn còn hiệu lực) quy định: Đối với người có nhiều quốc tịch, trong đó có quốc tịch Ba Lan thì sẽ áp dụng pháp luật của Ba Lan. Trong trường hợp người đó có nhiều quốc tịch nước ngoài mà không có quốc tịch Ba Lan thì áp dụng pháp luật của nước người đó có nơi thường trú dài nhất hoặc có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ nhất.

Ở Cộng hòa Pháp, để xác định luật áp dụng đối với người có nhiều quốc tịch, pháp luật chia ra 2 trường hợp cụ thể:

Thứ nhất, đối với người có nhiều quốc tịch không phải là quốc tịch Pháp: Khi xét xử vụ việc liên quan đến những người này, toà án Pháp xác định quốc tịch thực tế của họ.

Thứ hai, đối với người có quốc tịch Pháp và quốc tịch nước ngoài: Khi xét xử vụ việc liên quan đến những người này, toà án ưu tiên áp dụng luật của Pháp.⁽²⁾

Ngoài ra, thực tiễn giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài, các toà án tư pháp của Pháp còn đưa ra giải pháp xác định luật áp dụng trong trường hợp người có nhiều quốc tịch khác nhau như:

- Áp dụng pháp luật của tất cả các nước có liên quan. Theo giải pháp này, toà án có thể áp dụng đồng thời pháp luật của tất cả các nước có liên quan, nghĩa là mọi quyết định đưa ra đều phải phù hợp với quy định pháp luật của tất cả các nước có liên quan hoặc áp dụng “phân phối” pháp luật của các

nước có liên quan (mỗi chủ thể chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của quốc gia mà mình mang quốc tịch).

- Áp dụng pháp luật của một trong các nước có liên quan. Theo giải pháp này, toà án có thể áp dụng pháp luật của Pháp nếu một trong đương sự là công dân Pháp hoặc áp dụng pháp luật của nước có liên hệ mật thiết nhất đến vụ việc.

- Áp dụng pháp luật của nước nơi đương sự có cư trú chung.⁽³⁾

Theo pháp luật Việt Nam, căn cứ áp dụng pháp luật đối với người nước ngoài có hai hay nhiều quốc tịch nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 760 Bộ luật dân sự năm 2005 như sau: *“Trong trường hợp Bộ luật này hoặc các văn bản pháp luật khác của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật của nước mà người nước ngoài là công dân thì pháp luật áp dụng đối với người nước ngoài có hai hay nhiều quốc tịch nước ngoài là pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và cư trú vào thời điểm phát sinh quan hệ dân sự; nếu người đó không cư trú tại một trong các nước mà người đó có quốc tịch thì áp dụng pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và có quan hệ gắn bó nhất về quyền và nghĩa vụ công dân”*.

Theo quy định trên, có hai căn cứ áp dụng pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự mà người có hai hay nhiều quốc tịch tham gia là:

- Áp dụng pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và cư trú vào thời điểm phát

sinh quan hệ dân sự.

- Áp dụng pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và có mối quan hệ gắn bó nhất về quyền và nghĩa vụ công dân.

Căn cứ áp dụng pháp luật đối với người nước ngoài có hai hay nhiều quốc tịch nước ngoài còn được quy định trong Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (Nghị định số 68/CP). Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Nghị định số 68/CP thì giấy tờ sử dụng trong việc đăng kí kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi đối với người có hai hay nhiều quốc tịch là *“giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch đồng thời thường trú cấp; nếu người đó không thường trú tại một trong các nước có quốc tịch thì giấy tờ đó do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó mang hộ chiếu cấp”*. Khi xem xét về các loại giấy tờ mà người nước ngoài xuất trình trước cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để đăng kí kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ phải căn cứ vào pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch đồng thời thường trú hoặc pháp luật của nước mà người đó mang hộ chiếu (nếu người đó không thường trú tại một trong các nước có quốc tịch).

Như vậy, việc xác định luật áp dụng

đối với người nhiều quốc tịch theo quy định của pháp luật Việt Nam cơ bản phù hợp với pháp luật của nhiều nước và các điều ước quốc tế hữu quan.

2. Luật áp dụng đối với người không quốc tịch

Không quốc tịch là tình trạng pháp lí một người không có quốc tịch của một nước nào. Người không quốc tịch không phải thực hiện nghĩa vụ công dân đối với quốc gia nào nhưng họ gặp bất lợi lớn, đó là khi cư trú ở nước sở tại thì địa vị pháp lí của người không quốc tịch rất thấp và bị hạn chế so với công dân nước sở tại và người có quốc tịch nước ngoài. Họ không được hưởng các quyền mà các bộ phận khác của dân cư được hưởng trên cơ sở điều ước quốc tế giữa các quốc gia hữu quan, họ không được hưởng sự bảo hộ ngoại giao của bất kì nước nào.⁽⁴⁾

Hiện tượng không quốc tịch xuất hiện trong các trường hợp sau:

- Có sự xung đột pháp luật của các nước về vấn đề quốc tịch;

- Khi một người đã mất quốc tịch cũ nhưng chưa có quốc tịch mới;

- Khi trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ của nước áp dụng nguyên tắc quyền huyết thống mà cha, mẹ là người không quốc tịch.

Trong phạm vi quốc tế, để hạn chế tình trạng không quốc tịch, các nước đã kí kết nhiều điều ước quốc tế về vấn đề quốc tịch như Định ước cuối cùng của Hội nghị La Haye năm 1930, Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột

luật quốc tịch và đặc biệt Công ước về hạn chế tình trạng không quốc tịch năm 1961. Theo Điều 1 của Công ước năm 1961 thì nước kí kết sẽ cho những người sinh ra trên lãnh thổ của nước mình mà có thể bị rơi vào tình trạng không quốc tịch được hưởng quốc tịch nước mình theo đơn xin của đương sự hoặc người đại diện của đương sự cho cơ quan có thẩm quyền thích hợp, phù hợp với quy định của pháp luật nước đó. Nước kí kết có thể cho hưởng quốc tịch của nước mình theo một hoặc các điều kiện sau:

- Đơn xin phải nộp trong khoảng thời gian do nước kí kết đó quy định nhưng bắt đầu không được muộn hơn 18 tuổi và kết thúc không được trước lúc 21 tuổi. Tuy nhiên, đương sự được phép ít nhất 1 năm để có thể tự làm đơn xin;

- Đương sự phải là người không phạm tội chống lại an ninh quốc gia của nước kí kết, cũng như không bị kết án phạt tù 5 năm hoặc nhiều hơn về tội phạm hình sự;

- Đương sự phải cư trú thường xuyên trên lãnh thổ của nước kí kết trong khoảng thời gian nhất định do nước đó quy định nhưng không được quá 5 năm trước khi nộp đơn xin hoặc tổng cộng không được quá 10 năm;

- Đương sự phải thường xuyên ở trong tình trạng không quốc tịch.

Những điều kiện gia nhập quốc tịch ghi nhận tại Điều 1 của Công ước năm 1961 là những điều kiện chung, trên thực tế mỗi quốc gia có thể áp dụng một hoặc tất cả các điều kiện trên và có thể quy định thêm

những điều kiện khác.

Như vậy, các quốc gia, các tổ chức quốc tế đã có những nỗ lực lớn trong hợp tác quốc tế nhằm hạn chế tình trạng không quốc tịch. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng này vẫn xảy ra trong thực tiễn. Khi người không quốc tịch tham gia vào quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, pháp luật các nước thường điều chỉnh theo pháp luật của nước mà họ cư trú vào thời điểm phát sinh quan hệ dân sự. Ví dụ, ở Cộng hòa Pháp quy định luật áp dụng đối với người không quốc tịch là luật của nước mà người đó cư trú. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú thì áp dụng pháp luật của Pháp.⁽⁵⁾

Ở Việt Nam, căn cứ áp dụng pháp luật đối với người không quốc tịch được quy định tại khoản 1 Điều 760 Bộ luật dân sự năm 2005 như sau: *“Trong trường hợp Bộ luật này hoặc các văn bản pháp luật khác của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật của nước mà người nước ngoài là công dân thì pháp luật áp dụng đối với người không quốc tịch là pháp luật của nước nơi người đó cư trú; nếu người đó không có nơi cư trú thì áp dụng pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*.

Luật áp dụng đối với người không quốc tịch còn được quy định trong Nghị định số 68/CP. Theo quy định tại khoản 3 Điều 79 và điểm a khoản 1 Điều 80 Nghị định số 68/CP thì các loại giấy tờ để người không quốc tịch sử dụng trong việc đăng ký kết

hôn, nhận cha, mẹ con, nuôi con nuôi sẽ do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người đó thường trú cấp. Đồng thời, Nghị định số 68/CP chỉ rõ: *“Người không quốc tịch là người không có quốc tịch Việt Nam và cũng không có quốc tịch nước ngoài”* (khoản 4 Điều 9).

Hiện nay, sự phát triển của các mối giao lưu dân sự quốc tế, các quan hệ dân sự, kinh tế, hôn nhân gia đình... có yếu tố nước ngoài phát sinh càng nhiều và chủ thể tham gia vào các quan hệ này ngày càng đa dạng. Khi chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự là người không quốc tịch hoặc người nhiều quốc tịch thì các cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào những căn cứ để xác định luật áp dụng chính xác đối với họ. Việc xác định đúng pháp luật áp dụng đối với những người không quốc tịch, người nhiều quốc tịch không những đảm bảo vụ việc được giải quyết chính xác, khách quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự mà nó còn góp phần thúc đẩy sự phát triển các giao dịch dân sự quốc tế./.

(1).Xem: TS. Bùi Xuân Nhựt, *“Vấn đề người mang nhiều quốc tịch trong luật quốc tế hiện đại và một vài biện pháp giải quyết”*, Tạp chí luật học, số 4/1995.

(2).Xem: *“Tư pháp quốc tế”*, Bản dịch của Nhà pháp luật Việt - Pháp, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2005, tr. 32.

(3).Xem: Sđd, tr. 192 - 193, Hà Nội, 2005.

(4).Xem: *“Giáo trình Luật quốc tế”*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr. 105.

(5).Xem: *“Tư pháp quốc tế”*, Bản dịch của Nhà pháp luật Việt - Pháp, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 191.